

Số: 12 /2024/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 02 tháng 05 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 176/TTr-STC ngày 25 tháng 4 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định.

2. Các tài sản không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Bình Định (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

**Điều 3. Danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình**

1. Danh mục tài sản cố định đặc thù quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Quyết định này.

2. Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình quy định tại Phụ lục 02 kèm theo Quyết định này.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào các Danh mục tài sản ban hành theo quy định tại Điều 3 Quyết định này và các quy định pháp luật có liên quan thực hiện việc ghi sổ sách kế toán, hạch toán, theo dõi và quản lý, sử dụng tài sản theo đúng quy định.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét giải quyết hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2024, thay thế Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù và danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư Pháp);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTQTVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, P. KSTTHC, QTTV, TTTHCB, K17.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**

**PHỤ LỤC 01**  
**DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ĐẶC THÙ**

*(Kèm theo Quyết định số: /2024/QĐ-UBND ngày /5/2024 của UBND tỉnh Bình Định)*

STT	DANH MỤC
<b>Loại 1</b>	<b>Di tích lịch sử được xếp hạng</b>
1	Di tích quốc gia đặc biệt
2	Di tích quốc gia
3	Di tích cấp tỉnh
<b>Loại 2</b>	<b>Cổ vật, hiện vật trưng bày trong bảo tàng</b>
1	Nhóm hiện vật kim loại
2	Nhóm hiện vật nhựa
3	Nhóm hiện vật thủy tinh
4	Nhóm hiện vật đồ mộc
5	Nhóm hiện vật chất liệu vải
6	Nhóm hiện vật chất liệu giấy
7	Nhóm hiện vật chất liệu phim ảnh
8	Nhóm hiện vật chất liệu đồ da
9	Nhóm hiện vật chất liệu xương
10	Nhóm hiện vật chất liệu gốm
11	Nhóm hiện vật chất liệu đất đá
12	Nhóm tài liệu cổ, tài liệu quý hiếm
13	Nhóm hiện vật chất liệu chất khác
<b>Loại 3</b>	<b>Thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập</b>
1	Bệnh viện
2	Trường học
3	Thương hiệu đơn vị sự nghiệp khác

PHỤ LỤC 02

DANH MỤC, THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN VÀ  
TỶ LỆ HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

(Kèm theo Quyết định số: /2024/QĐ-UBND ngày /5/2024 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Danh mục tài sản	Thời gian tính hao mòn	Tỷ lệ hao mòn (% năm)
<b>Loại 1</b>	<b>Quyền tác giả</b>		
1	Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình	50	2
2	Tác phẩm báo chí	50	2
3	Tác phẩm âm nhạc	50	2
4	Tác phẩm sân khấu	50	2
5	Tác phẩm điện ảnh	50	2
6	Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng	50	2
7	Tác phẩm nhiếp ảnh	50	2
8	Tác phẩm kiến trúc	50	2
9	Tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian	50	2
<b>Loại 2</b>	<b>Quyền sở hữu công nghiệp</b>		
1	Bằng độc quyền sáng chế	20	5
2	Bằng độc quyền giải pháp hữu ích	10	10
3	Kiểu dáng công nghiệp	5	20
4	Thiết kế bố trí	10	10
5	Nhãn hiệu	10	10
<b>Loại 3</b>	<b>Quyền đối với giống cây trồng</b>		
1	Bằng bảo hộ giống cây thân gỗ và cây leo thân gỗ	25	4
2	Bằng bảo hộ các giống cây trồng khác	20	5
<b>Loại 4</b>	<b>Phần mềm ứng dụng</b>		
1	Cơ sở dữ liệu	5	20
2	Các phần mềm ứng dụng	5	20
<b>Loại 5</b>	<b>Tài sản cố định vô hình khác</b>	5	20